

KIỂM TRA SÀNG LỌC SỰ PHÁT TRIỂN Ở TRẺ SƠ SINH - HÀN QUỐC

(Cho trẻ 20 ~ 21 tháng tuổi)



KIỂM TRA SÀNG LỌC SỰ PHÁT TRIỂN Ở TRẺ SƠ SINH - HÀN QUỐC

(cho trẻ 20~21 tháng)

❖ Đánh dấu vào câu trả lời đúng

| | | | | | | | | |
|--|-------------------|------------------|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------------------------------|
| Tên của bé | | Giới tính: | Người trả lời khảo sát | <input type="checkbox"/> Mẹ | <input type="checkbox"/> Bố | <input type="checkbox"/> Bà | <input type="checkbox"/> Ông | <input type="checkbox"/> Khác (.....) |
| Ngày sinh của bé |/...../..... | | Nếu bé sinh non thì ngày dự sinh của bé là:/...../..... | | | | | |
| Thông tin của bố mẹ | Mẹ | tuổi | Học lực: <input type="checkbox"/> Đại học <input type="checkbox"/> Cao đẳng <input type="checkbox"/> Bộ học ĐH/cao đẳng giữa chừng <input type="checkbox"/> Cấp 3 <input type="checkbox"/> Cấp 2 | | | | | |
| | Bố | tuổi | Học lực: <input type="checkbox"/> Đại học <input type="checkbox"/> Cao đẳng <input type="checkbox"/> Bộ học ĐH/cao đẳng giữa chừng <input type="checkbox"/> Cấp 3 <input type="checkbox"/> Cấp 2 | | | | | |
| Bé có gặp vấn đề trong phát triển thể chất hay mắc bệnh gì khác không? | | | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có (Nếu có thì tên bệnh là:.....) | | | | | |

**** Đây là bảng hỏi dành cho bé từ 20-21 tháng tuổi. Nếu bảng hỏi không đúng với tuổi của bé, vui lòng đổi bảng hỏi khác.**

❖ Ở mỗi câu hỏi hãy chọn 1 đáp án trong 4 đáp án. Nếu bạn không chắc bé có hành động nào giống mô tả trong câu hỏi, bạn hãy yêu cầu bé làm hành động đó để quan sát rồi trả lời.

| | | | |
|------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------------|
| Bé làm rất tốt ③ | Bé có vẻ làm được ② | Bé có vẻ không làm được ① | Bé hoàn toàn không làm được ④ |
|------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------------|

Những câu hỏi dưới đây để đánh giá khả năng của bé.

Đối với những trường hợp bé có thể thực hiện được hành động nhưng vì lý do nào đó bé không làm thì vẫn được xem là "có thể làm được". Ví dụ: bé biết có thể dùng tay để cầm kéo cắt nhưng bé thường không thích cầm kéo; bé có thể xếp lego nhưng vì nhà không có lego hoặc vì bé không thích nên bé không xếp.

Vận động thô

| | | |
|---|---|---------|
| 1 | Bé chạy nghiêng ngả (nếu bé chạy không bị nghiêng ngả mà chạy thẳng một cách tự nhiên thì bạn có thể đánh dấu vào ô số 3 "Bé làm rất tốt") | ③ ② ① ④ |
| 2 | Bé có thể đi lùi. | ③ ② ① ④ |
| 3 | Bé bám vào tay vịn cầu thang, đưa 1 chân lên bậc thang trước rồi thu chân còn lại lên, sau đó lặp lại quy trình này để bước lên bậc thang tiếp theo (Lưu ý: không phải cách bước lên cầu thang kiểu bước luân phiên liên tục chân trái chân phải) | ③ ② ① ④ |
| 4 | Bé có thể đá trái bóng đang đứng yên. | ③ ② ① ④ |

| | | |
|---|--|---------|
| 5 | Ở tư thế ngồi xổm, bé có thể tự đứng dậy mà không cần bám vào vật gì. | ③ ② ① ④ |
| 6 | Bé bám vào tay vịn cầu thang, bước 1 chân xuống trước rồi thu chân còn lại xuống, sau đó lặp lại quy trình này để bước xuống bậc thang tiếp theo (Lưu ý: không phải cách bước xuống cầu thang kiểu bước luân phiên liên tục chân trái chân phải) | ③ ② ① ④ |
| 7 | Bé có thể chụm hai chân lại và thực hiện 1 bước nhảy. | ③ ② ① ④ |
| 8 | Ở bậc thấp nhất của cầu thang, bé có thể chụm 2 chân lại và nhảy xuống sàn. | ③ ② ① ④ |

❖ Ở mỗi câu hỏi hãy chọn 1 đáp án trong 4 đáp án. Nếu bạn không chắc bé có hành động nào giống mô tả trong câu hỏi, bạn hãy yêu cầu bé làm hành động đó để quan sát rồi trả lời.

Bé làm rất tốt ③





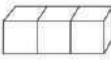
Bé có vẻ làm được ②

Bé có vẻ không làm được ①

Bé hoàn toàn không làm được ④



Vận động tinh

| | | | |
|---|---|---|---------|
| 1 | Nếu bạn đưa cho bé một cây bút chì và giấy, bé sẽ nguệch ngoạc hoặc vẽ những đường ngang dọc. |  | ③ ② ① ④ |
| 2 | Bé có thể xếp 2 khối vuông chồng lên nhau. |  | ③ ② ① ④ |
| 3 | Bé có thể cầm thìa đúng cách (để thức ăn không bị đổ ra ngoài) và đưa lên miệng. | | ③ ② ① ④ |
| 4 | Bé nắm phần giữa của cây bút chì màu (Nếu bé nắm phần dưới của cây bút chì, bạn đánh dấu vào ô số 3 "Bé làm rất tốt") |  | ③ ② ① ④ |
| 5 | Bé có thể xếp 4 khối vuông chồng lên nhau. |  | ③ ② ① ④ |
| 6 | Bé có thể xếp 2 hoặc nhiều khối cạnh nhau. |  | ③ ② ① ④ |
| 7 | Nếu bạn cầm tay bé để vào công tắc đèn trên tường thì bé sẽ bật, tắt công tắc. | | ③ ② ① ④ |
| 8 | Bé có thể xoay tay nắm cửa để mở cửa. | | ③ ② ① ④ |



Nhận thức

| | | | |
|---|---|--|---------|
| 1 | Bé bắt chước vai trò của một người khác (Ví dụ: bé ôm, bế hoặc cho bú bé bú sữa như bố mẹ vẫn hay làm) | | ③ ② ① ④ |
| 2 | Bé có thể lấp đúng các hình đơn giản như hình tròn, hình tam giác, hình vuông vào trong bảng có sẵn. | | ③ ② ① ④ |
| 3 | Bé có thể thực hiện 2 hành động diễn ra liên tiếp theo lời hướng dẫn (Ví dụ: "mang theo khăn giấy và lau nước") | | ③ ② ① ④ |
| 4 | Bé có thể chỉ vào đúng bộ phận cơ thể khi được yêu cầu (Ví dụ: mắt, mũi, miệng, tai) | | ③ ② ① ④ |
| 5 | Bé có thể tìm đúng đồ vật thật khi nhìn vào hình vẽ trong sách (Ví dụ: bé nhìn vào hình chìa khóa và tìm được chìa khóa thật) | | ③ ② ① ④ |
| 6 | Bé có thể liên kết hình con vật với tiếng của con vật. | | ③ ② ① ④ |
| 7 | Trong 2 món đồ kích thước khác nhau, bé có thể phân biệt được món đồ lớn và món đồ nhỏ. | | ③ ② ① ④ |
| 8 | Nếu bạn trộn các miếng màu đỏ, vàng và xanh vào với nhau thì bé có thể nhóm các miếng cùng màu lại với nhau. | | ③ ② ① ④ |



Ngôn ngữ

| | | | |
|---|--|--|---------|
| 1 | Bạn chỉ tay vào một đồ vật quen thuộc (như điện thoại, ô tô, sách...) và yêu cầu bé tìm đồ vật đó trong bức tranh. | | ③ ② ① ④ |
| 2 | Khi nghe tên của một con vật, bé có thể tìm đúng hình hoặc tranh vẽ tương ứng với con vật đó. | | ③ ② ① ④ |
| 3 | Ngoài từ "bố" "mẹ" thì bé có thể nói được thêm ít nhất 8 từ khác. | | ③ ② ① ④ |
| 4 | Bé có thể gọi đúng tên đồ vật xuất hiện trong sách tranh (Ví dụ: nếu chỉ vào chiếc giày và hỏi "cái gì đây?" thì bé sẽ nói "giày") | | ③ ② ① ④ |
| 5 | Bé có thể bắt chước nói theo những câu đơn giản (chỉ 2-3 từ), bé có thể phát âm chưa chính xác (Vd: bé bắt chước bạn nói theo những câu như "gì vậy" "đi thôi"...) | | ③ ② ① ④ |
| 6 | Bé có thể sử dụng những đại từ như "tôi" "cái này" "cái đó". | | ③ ② ① ④ |
| 7 | Bé có thể ghép được 2 từ có nghĩa khác nhau (Ví dụ: "sữa mẹ", "ăn bánh", "đưa đồ chơi") | | ③ ② ① ④ |
| 8 | Bé có thể hỏi bằng cách lên giọng ở cuối câu. | | ③ ② ① ④ |

❖ Ở mỗi câu hỏi hãy chọn 1 đáp án trong 4 đáp án. Nếu bạn không chắc bé có hành động nào giống mô tả trong câu hỏi, bạn hãy yêu cầu bé làm hành động đó để quan sát rồi trả lời.

| | | | |
|------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------------|
| Bé làm rất tốt ③ | Bé có vẻ làm được ② | Bé có vẻ không làm được ① | Bé hoàn toàn không làm được ④ |
|------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------------|

Tính xã hội

| | | |
|---|---|---------|
| 1 | Bé chào người quen khi được người lớn nhắc chào. | ③ ② ① ④ |
| 2 | Bé có thể nhận ra giọng nói của một người quen trên điện thoại. | ③ ② ① ④ |
| 3 | Bé chỉ vào đồ vật ở gần hoặc ở xa để thu hút sự chú ý của mẹ (hoặc người giám hộ) | ③ ② ① ④ |
| 4 | Nếu bạn nói với bé "con cho búp bê ăn đi", bé sẽ giả vờ cho búp bê ăn. | ③ ② ① ④ |

| | | |
|---|---|---------|
| 5 | Nếu một người quen buồn hoặc có vẻ đang buồn thì bé lại gần hoặc nói gì đó như là để an ủi. | ③ ② ① ④ |
| 6 | Bé hát hoặc lúc lắc theo nhạc trước mọi người. | ③ ② ① ④ |
| 7 | Nếu bạn ngăn bé làm điều bé thích thì bé sẽ có động tác hoặc hành vi thể hiện bé "không thích/ không muốn" điều đó. | ③ ② ① ④ |
| 8 | Khi người lớn yêu cầu, bé có thể nói "xin lỗi" hoặc "cám ơn" | ③ ② ① ④ |

Tính tự lập

| | | |
|---|--|---------|
| 1 | Khi thấy người lớn lau chùi cái gì đó, thì bé bắt chước làm theo. | ③ ② ① ④ |
| 2 | Bé bắt chước người lớn bỏ tay vào nước rồi hất lên mặt để rửa mặt. | ③ ② ① ④ |
| 3 | Bé có thể dùng muỗng hoặc nĩa để lấy đồ ăn mà không dùng tay bốc. | ③ ② ① ④ |
| 4 | Bé có thể tự mình đội và cởi mũ. | ③ ② ① ④ |

| | | |
|---|--|---------|
| 5 | Nếu bạn tháo dây giày hoặc nối lỏng dây giày cho bé thì bé có thể tự cởi giày. | ③ ② ① ④ |
| 6 | Nếu bạn rửa tay cho bé xong đưa cho bé khăn thì bé sẽ tự lau tay. | ③ ② ① ④ |
| 7 | Bé có thể cầm cốc bằng một tay và tự uống nước. | ③ ② ① ④ |
| 8 | Bé có thể phân biệt cái gì ăn được và cái gì ăn không được (vd: giấy, đất, khăn giấy...) | ③ ② ① ④ |

Câu hỏi phụ

| | |
|------|---------|
| Có ① | Không ④ |
|------|---------|

| | | |
|---|---|-----|
| 1 | Khi bé đứng hoặc đi bộ, bé không thể đặt lòng bàn chân xuống mà thường xuyên kiễng chân để đi (không tính trường hợp bé chỉ thi thoảng kiễng chân) | ① ④ |
| 2 | Bé không thể đi. | ① ④ |
| 3 | Bé không giao tiếp bằng mắt với người chăm sóc bé (không tính trường hợp bé đang tập trung vào việc khác) | ① ④ |

| | | |
|---|--|-----|
| 4 | Bé không nhìn khi được gọi tên (không tính trường hợp bé có vấn đề về thính giác hay bé đang bận tập trung vào việc khác) | ① ④ |
| 5 | Bé không làm những hành động gây sự chú ý của người lớn (ví dụ: dùng ngón tay chỉ vào đồ vật, uốn éo đòi người khác chơi cùng, hét lớn...) | ① ④ |

BẢNG KẾT QUẢ

(cho trẻ 20 ~ 21 tháng)

| | | | |
|------------------------|--|---|-------------------|
| Tên của bé | | Ngày thực hiện |/...../..... |
| Ngày sinh của bé |/...../..... | Nếu bé sinh non thì ngày dự sinh của bé là:/...../..... | |
| Người trả lời khảo sát | <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Bố <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/> Ông <input type="checkbox"/> Khác (.....) | | |

KẾT QUẢ

| CÂU HỎI SỐ: LOẠI | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | Tổng điểm | Điểm đánh giá của chuyên gia | | |
|---------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----------|------------------------------|----|-----|
| | | | | | | | | | | Thấp | TB | Cao |
| Vận động thô | | | | | | | | | | 14 | 18 | 24 |
| Vận động tinh | | | | | | | | | | 15 | 19 | 23 |
| Nhận thức | | | | | | | | | | 10 | 15 | 23 |
| Ngôn ngữ | | | | | | | | | | 5 | 11 | 23 |
| Tính xã hội | | | | | | | | | | 11 | 16 | 24 |
| Tính tự lập | | | | | | | | | | 12 | 17 | 23 |

CÂU HỎI PHỤ

= Có = Không

| Câu hỏi số: | 1 (M) | 2 (M) | 3 (S) | 4 (S) | 5 (S) |
|-------------|---|---|---|---|---|
| Kết quả | <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> |

ĐÁNH GIÁ

| |
|--|
| |
|--|

CÁCH TÍNH ĐIỂM

- Thang điểm được tính như sau:
(Làm tốt = 3 điểm, có vẻ làm được = 2 điểm, có vẻ làm không được = 1 điểm, làm không được = 0 điểm)
- Tổng điểm mỗi mục được tính bằng cách cộng tất cả điểm của các câu trong mục
- Dựa vào tổng điểm của từng hạng mục chuyên gia sẽ đưa ra điểm đánh giá và đưa ra các khuyến nghị cụ thể:
① Cần đánh giá chuyên sâu ② Cần kiểm tra theo dõi
③ Bình thường (phát triển như các bạn đồng tuổi) ④ Phát triển nhanh

Ngày thực hiện: _____

Người thực hiện: _____ Ký tên